

Bản án số: **70/2021/DS - ST**
Ngày: 16 - 11 - 2021.
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về góp
hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoạt

Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Bà Trần Phương Thúy
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2021/TLST - DS ngày 23 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2021/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Chị Tôn Thị H, sinh năm: 1976.

Anh Võ Văn H1, sinh năm: 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã B, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

(Chị T, chị H có mặt; anh H1 có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Từ tháng 3/2017 đến 04/2021, vợ chồng anh H1 đã tham gia nhiều dây hụi do chị làm chủ. Khi tham gia chơi hụi giữa chị cùng các hụi viên đều thống nhất cách thức chơi hụi, phương thức đóng hụi, đến tháng nào thành viên nào hốt hụi đều được ghi biên nhận rõ ràng. Thời gian đầu tham gia hụi, vợ chồng chị H đóng hụi đầy đủ nhưng thời gian sau đến kỳ đóng hụi vợ chồng anh H1 không đóng tiền với lý do khó khăn chưa xoay tiền kịp. Do đó, mặc dù các dây hụi chưa mãn nhưng chị T cùng với vợ chồng anh H1 thống nhất thỏa thuận chấm dứt các dây hụi và tổng lại số tiền hụi mà vợ chồng anh H1 đã nợ chị, cụ thể:

- Hai dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở hụi tháng 5/2020, tổng số 25 phần, vợ chồng chị H tham gia 02 phần, hụi đến tháng 04/2022 mãn, dây hụi này vợ chồng ông H1 nợ 64.000.000 đồng.

- Hai dây hụi 3.000.000 đồng, gồm 22 phần, vợ chồng anh H1 tham gia 02 phần, hụi này đến tháng 02/2022 mãn, dây hụi này vợ chồng ông H1 nợ 78.000.000 đồng.

- Dây hụi 10.000.000 đồng, còn 03 lần hụi chưa đóng, dây hụi này vợ chồng ông H1 nợ chị số tiền 30.000.000 đồng.

- Một dây hụi 10.000.000 đồng, có 17 phần, vợ chồng chị H đóng được 13 lần, còn 04 lần chưa đóng, dây hụi này vợ chồng chị H còn nợ lại số tiền hụi là 40.000.000 đồng.

- Một dây hụi 10.000.000 đồng, có 17 phần, vợ chồng chị H đóng được 13 lần, còn 04 lần chưa đóng, dây hụi này vợ chồng chị H còn nợ lại số tiền hụi là 40.000.000 đồng.

- Một dây hụi 10.000.000 đồng, còn 11 lần vợ chồng anh H1 chưa đóng, dây hụi này vợ chồng chị H còn nợ lại số tiền hụi là 110.000.000 đồng.

- Một dây hụi 10.000.000 đồng, tổng số 15 phần, dây hụi này vợ chồng chị H tham gia 01 phần, còn 12 lần chưa đóng, hiện còn thiếu lại 120.000.000 đồng.

- Dây hụi mùa còn 01 phần chết vợ chồng anh H1 chưa đóng, dây hụi này vợ chồng anh H1 nợ số tiền hụi là 30.000.000 đồng.

- Dây hụi mùa thứ 2, 06 tháng/01 lần, người sống đóng 20.000.000 đồng, người chết đóng 27.000.000 đồng, hụi này đến tháng 08/2022 mãn, chót nợ vợ chồng bà Hụi nợ 81.000.000 đồng.

Ngoài ra, vợ chồng chị H còn thiếu nợ trước là 15.600.000 đồng. Tổng số tiền thiếu là 608.600.000 đồng, khấu trừ số tiền hụi vợ chồng anh H1 đã trả được là 96.900.000 đồng, còn thiếu lại 511.700.000 đồng. Sau khi thống nhất số tiền hụi, vợ chồng anh H1 và chị H đã viết biên nhận nợ chị số tiền hụi là 511.700.000 đồng.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị Tôn Thị H và anh Võ Văn H1 phải liên đới trả cho chị số tiền hụi còn nợ là 511.700.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

2. Bị đơn chị Tôn Thị H và anh Võ Văn H1 thống nhất trình bày:

Chị Tôn Thị H và anh Võ Văn H1 thống nhất số tiền nợ hụi còn thiếu chị Nguyễn Thị T là 511.700.000 đồng. Đồng thời, anh chị cũng thừa nhận chữ ký và viết trong biên nhận nợ đề ngày 30/4/2021 là của anh, chị trực tiếp ký và ghi tên.

Tuy nhiên, vợ chồng anh H1 cho rằng: Sau khi kết nợ thì anh chị phát hiện chị T có tính nhằm dây hụi mùa mà chị T ghi trong biên nhận nợ còn 03 lần mãn thiếu số tiền 81.000.000 đồng (*nhưng đáng lẽ chỉ còn 02 lần*) nên chị T đã tính nhằm dây hụi mùa này với số tiền 27.000.000 đồng.

Mặc dù, biết chị T tính nhằm nhưng đến nay anh chị cũng chưa gặp chị T để yêu cầu tính lại dây hụi; đồng thời, sau khi kết nợ chị cũng đã trả thêm cho chị T số tiền 4.000.000 đồng, tổng cộng 31.000.000 đồng. Do đó, anh, chị đề nghị Tòa án khấu trừ số tiền 31.000.000 đồng này vào số tiền chị còn thiếu chị T và đồng ý trả cho chị T số tiền hụi còn lại là 480.700.000 đồng nhưng xin trả dần 5.000.000 đồng/6 tháng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có ý kiến:* Theo lời trình bày của anh H1 và chị H về việc chị tính nhằm 01 phần hụi mùa với số tiền 27.000.000 đồng là không có. Tuy nhiên, sau khi chị đã khởi kiện thì vợ chồng chị H có trả cho chị được số tiền 4.000.000 đồng nên chị đồng ý khấu trừ số tiền 4.000.000 đồng vào số tiền mà vợ chồng chị H còn nợ và yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị H

phải trả số tiền 507.700.000 đồng (sau khi đã trừ 4.000.000 đồng) và không yêu cầu tính lãi. Đối với yêu cầu xin trả dần của chị H thì chị không đồng ý.

- *Bị đơn chị Tôn Thị H có ý kiến:* Chị thừa nhận chữ ký, viết trong biên nhận nợ hội đề ngày 30/4/2021 do chị T cung cấp là của chị và anh H1 trực tiếp ký, ghi tên, việc ký và ghi tên là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Đối với dây hội mùa chị tham gia mà chị cho rằng chị T tính nhầm (*theo chị còn 02 lần mãn, mà chị T tính nhầm 03 lần mãn*), do thời gian lâu quá chị không còn giữ giấy tham gia hội, không nhớ chính xác những người đã tham gia nên không thể cung cấp chứng cứ được cho Tòa án nên chị yêu cầu chị T tính lại cho chị. Riêng số tiền 4.000.000 đồng chị đồng ý với ý kiến của chị T khấu trừ vào số tiền hội mà vợ chồng chị còn thiếu. Ngoài ra, chị đồng ý với ý kiến của chị T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hội chị nợ chị T nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chị xin chị T cho vợ chồng chị trả dần số tiền 5.000.000 đồng/6 tháng cho đến khi dứt nợ, nếu trong quá trình trả nợ chị có khả năng thì chị sẽ trả nhiều hơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên nhận ngày 30/4/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T với bị đơn chị Tôn Thị H và anh Võ Văn H1 thống nhất thừa nhận: Vợ chồng anh Võ Văn H1 có tham gia các dây hội do chị Nguyễn Thị T làm chủ. Các dây hội này, vợ chồng anh Võ Văn H1 đã lĩnh hội và có những dây hội chưa mãn hội nhưng do vợ chồng anh H1 nhiều lần vi phạm nghĩa vụ của hội viên nên chị T với vợ chồng anh H1 thống nhất chấm dứt các dây hội và tổng lại số tiền hội mà vợ chồng anh H1 còn nợ, sau khi đã khấu trừ số tiền hội đã đóng là 511.700.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị Tôn Thị H cho rằng, chị T tính nhầm chị dây hội mùa áp tháng 02/2019, còn 02 lần mãn nhưng chị T tính nhầm 03 lần với số tiền tính nhầm là 27.000.000 đồng. Xét thấy, lời khai của chị H không được chị T thừa nhận và chị H đã trực tiếp ký vào biên nhận nợ chị T số tiền hội là 511.700.000 đồng. Mặc dù biết chị T tính nhầm nhưng chị H cũng không gặp chị T để yêu

cầu tính lại. Đồng thời, tại phiên tòa chị H cũng không cung cấp chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên không có cơ sở xem xét. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị T thừa nhận sau khi khởi kiện thì vợ chồng chị H có trả cho chị số tiền hội 4.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị T khấu trừ số tiền 4.000.000 đồng đã thanh toán vào số tiền hội. Riêng đối với yêu cầu xin trả dần của chị H không được chị T đồng ý nên căn cứ Thông tư Liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân Tối Cao - VKSND Tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khấu trừ số tiền 4.000.000 đồng vào số tiền nợ hội và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T buộc anh Võ Văn H1 và chị Tôn Thị H phải trả tiền hội chưa thanh toán 507.700.000 đồng và ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Võ Văn H1 không đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn anh Võ Văn H1.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T với bị đơn anh Võ Văn H1 và chị Tôn Thị H phải trả cho chị T số tiền hội chưa thanh toán nên quan hệ tranh chấp của vụ kiện được xác định đây tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn anh Võ Văn H1 và chị Tôn Thị H có địa chỉ cư trú tại ấp V, xã B, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

[3]. Về nội dung:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T với bị đơn anh Võ Văn H1 và chị Tôn Thị H thống nhất xác định: Vợ chồng anh Võ Văn H1 và chị Tôn Thị H có tham gia các dây hội do chị Nguyễn Thị T làm chủ. Đến ngày 30/4/2021, chị T với anh Võ Văn H1 và chị Tôn Thị H thống nhất

thỏa thuận chấm dứt các dây hụi và tổng lại số tiền hụi mà anh H1 và chị H còn nợ chị T là 511.700.000 đồng và các bên viết biên nhận nợ ngày 30/4/2021 (BL 21).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Võ Văn H1 và chị Tôn Thị H đều thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ đề ngày 30/4/2021, do chị T cung cấp là của anh H1, chị H trực tiếp ký và ghi họ tên. Việc chị H và anh H1 ký và ghi tên vào biên nhận ngày 30/4/2021 là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H cho rằng: Sau khi kết số tiền hụi còn nợ chị T thì chị phát hiện ra chị T tính nhầm 01 phần hụi với số tiền 27.000.000 đồng (dây hụi mở tháng 02/2019) nhưng chị không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình, mặc dù biết chị T tính nhầm tiền hụi nhưng chị cũng không gặp chị T tính lại, chị không nhớ chính xác những người đã tham gia cùng dây hụi. Trong khi đó, chị thừa nhận chị ký và viết biên nhận nợ hụi chị T số tiền 511.700.000 đồng (trong đó bao gồm số tiền 27.000.000 đồng chị H cho rằng chị T tính nhầm tiền hụi với chị).

Đồng thời, tại Thông báo số 11/TB-TA ngày 13/10/2021, Tòa án thông báo cho bị đơn về tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp cùng với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn anh Võ Văn H1 đã trực tiếp nhận thông báo nhưng không cung cấp, tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Bên cạnh đó, lời khai của chị không được chị T thừa nhận nên căn cứ khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chị H yêu cầu khấu trừ số tiền 27.000.000 đồng vào tiền hụi còn nợ là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với yêu cầu xin trả dần của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H xin trả dần 5.000.000 đồng/06 tháng (theo vụ lúa) cho đến khi dứt nợ nhưng không được chị T đồng ý nên căn cứ Thông tư Liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TAND Tối Cao - VKSND Tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính quy định việc quyết định cho đương sự trả một lần hay nhiều lần thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án khi bản án có hiệu lực thi hành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Riêng đối với ý kiến của chị T cho rằng, khi Tòa án đang giải quyết thì vợ chồng chị H đã thanh toán được số tiền 4.000.000 đồng nên chị yêu cầu Tòa án khấu trừ số tiền này vào số tiền hui mà vợ chồng chị H còn thiếu. Tại phiên tòa, chị H cũng đồng ý với ý kiến của chị T khấu trừ số tiền 4.000.000 đồng vào tiền nợ hui. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ngoài ra, chị T không yêu cầu lãi suất đối với số tiền hui và vợ chồng chị H thống nhất với yêu cầu chị T, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hui nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị đơn anh Võ Văn H1 và chị Tôn Thị H phải chịu án phí dân sự giá ngạch đối với số tiền là: $507.700.000 \text{ đồng} \times 5\% = 25.385.000 \text{ đ}$ (*Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

- Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí, hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.234.000 đồng (*Bằng chữ: Mười hai triệu, hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003170 ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T với bị đơn anh Võ Văn H1 và chị Tôn Thị H (Hui).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 27 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phùng.

Áp dụng Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T với bị đơn anh Võ Văn H1 và chị Tôn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T về việc khấu trừ số tiền 4.000.000 đồng mà anh Võ Văn H1 và chị Tôn Thị H đã thanh toán vào số tiền nợ hui.

3. Buộc anh Võ Văn H1 và chị Tôn Thị H phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ hụi là 507.700.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm lẻ bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Võ Văn H1 và chị Tôn Thị H không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí:

- Buộc bị đơn anh Võ Văn H1 và chị Tôn Thị H phải chịu án phí dân sự giá ngạch đối với số tiền là: $507.700.000 \text{ đồng} \times 5\% = 25.385.000 \text{ đ}$ (*Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

- Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí, hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.234.000 đồng (*Bằng chữ: Mười hai triệu, hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003170 ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh Võ Văn H1 vắng mặt được

quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Quỳnh